



www.FencingTime.com

# 中学男子エペ

## Pool Results

Tournament: 第2回全国中学生選手権 男子エペ

Date: 2016年7月24日 - 10:00

# U15ME

<b>1</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
藤田 聖, .	札幌大谷中学校	1		D1	D2	D2	V5	1	0.25	10	18	-8
伊藤 海之亮, .	宇都宮フェンシングクラブ	2	V5		V5	V4	V5	4	1.00	19	7	12
坂藤 秀昌, .	三田フェンシングクラブ普通部	3	V5	D4		V2	D1	2	0.50	12	10	2
角坂 大陸, .	立教新座中学校	4	V5	D0	D1		D2	1	0.25	8	13	-5
寺口 優汰, .	札幌クラブ	5	D3	D2	V2	V5		2	0.50	12	13	-1

<b>2</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
矢後 吟史朗, .	婦中JFC	1		D3	D2	D0	D1	0	0.00	6	20	-14
高橋 未楽, .	立教新座中学校	2	V5		V5	V5	D4	3	0.75	19	8	11
松岡 誠治, .	エスコラピオス学園海星中学校	3	V5	D0		D2	D1	1	0.25	8	13	-5
竹井 耀一, .	松山ジュニアフェンシングクラブ	4	V5	D0	V4		D3	2	0.50	12	11	1
久保田 亞央, .	おおたスポーツアカデミー	5	V5	V5	V2	V4		4	1.00	16	9	7

<b>3</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
嶋原 愛義人, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	1		V5	V5	V5	D2	3	0.75	17	13	4
奈須野 拓人, .	富山パレスフェンシングクラブ	2	D4		V5	D2	D0	1	0.25	11	16	-5
立山 雄晟, .	大分県立大分豊府中学校	3	D2	D3		D0	D2	0	0.00	7	20	-13
姫野 惇, .	八王子フェンシング	4	D3	V3	V5		V1	3	0.75	12	7	5
福原 大雅, .	青森ジュニアクラブ	5	V4	V5	V5	D0		3	0.75	14	5	9

<b>4</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
鶴田 渉, .	立教新座中学校	1		D4	D1	V5	V4	2	0.50	14	16	-2
藤原 大二郎, .	松江フェンシングクラブ	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	10	10
浅海 聖哉, .	埼玉エスクリム	3	V5	D3		V5	V5	3	0.75	18	9	9
青木 翔, .	JV体育教室	4	D3	D0	D0		D1	0	0.00	4	20	-16
金尾 周平, .	大阪読売千里クラブ	5	D3	D3	D3	V5		1	0.25	14	15	-1

5	
---	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
杉岡 瑞基, .	長野ジュニアフェンシングクラブ	1		D3	D3	V5	D3	1	0.25	14	19	-5
大谷 謙介, .	アプルス	2	V5		V5	V5	V4	4	1.00	19	10	9
北沢 滉稀, .	横浜フェンサーズ	3	V5	D0		D1	D2	1	0.25	8	16	-8
中村 隆志, .	早稲田中学校	4	D4	D4	V5		V4	2	0.50	17	14	3
村瀬 史恭, .	松山ジュニアフェンシングクラブ	5	V5	D3	V3	D3		2	0.50	14	13	1

6	
---	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
藤澤 将匡, .	本吉町フェンシング協会	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	6	14
堀越 崇秀, .	立教新座中学校	2	D1		D0	V5	V5	2	0.50	11	16	-5
原 翔吾, .	箕輪中学校	3	D2	V5		D1	V5	2	0.50	13	13	0
鈴木 宏宗, .	米沢市フェンシングスポーツ少年団	4	D1	D3	V5		D3	1	0.25	12	16	-4
伊藤 遼貴, .	津フェンシングクラブ	5	D2	D3	D3	V5		1	0.25	13	18	-5

7	
---	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
唐澤 颯斗, .	プラチナフェンシングチーム	1		D4	V5	V4	V5	3	0.75	18	16	2
武井 琉晟, .	宇都宮フェンシングクラブ	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	10	10
山本 稀琉, .	法政大学第二中学校	3	D4	D2		V5	V5	2	0.50	16	17	-1
菅野 李喜, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	4	D3	D1	D4		V5	1	0.25	13	17	-4
金子 直人, .	慶應中等部	5	D4	D3	D3	D3		0	0.00	13	20	-7

8	
---	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
木内 博哉, .	高松北中学校	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	4	16
仙葉 遼輔, .	秋田市ジュニアフェンサーズ	2	D1		V5	V5	V5	3	0.75	16	12	4
大石 雅弘, .	ジュニア・フェンシング・OITA	3	D1	D2		V5	V5	2	0.50	13	13	0
伊勢 碧, .	徳島クラブ	4	D1	D1	D2		D4	0	0.00	8	20	-12
清水 俊匡, .	柿の木台スケルマ	5	D1	D4	D1	V5		1	0.25	11	19	-8

9	
---	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
櫻田 鷹野, .	ニッ井ジュニアフェンシングチーム	1		V3	D2	V5	D3	2	0.50	13	13	0
田中 颯馬, .	開成中学校	2	D0		D2	V5	D4	1	0.25	11	15	-4
小田 翔一郎, .	ジュニア・フェンシング・OITA	3	V5	V5		D4	D4	2	0.50	18	14	4
金森 悠, .	JV体育教室	4	D3	D2	V5		D3	1	0.25	13	19	-6
齋藤 駿, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	14	6

10	
----	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
渡辺 大成, .	松江フェンシングクラブ	1		D1	D2	D3	V5	1	0.25	11	16	-5
水野 功喜, .	津フェンシングクラブ	2	V5		D2	D1	D3	1	0.25	11	16	-5
大竹 諒, .	姫路ハクチョウFC	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	8	12
堀部 聖太, .	岩国JFC	4	V5	V5	D3		V5	3	0.75	18	10	8
村田 一公, .	米沢市フェンシングスポーツ少年団	5	D1	V5	D1	D1		1	0.25	8	18	-10

11	
----	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
峯田 大空, .	米沢市フェンシングスポーツ少年団	1		V2	V5	D1	D2	2	0.50	10	15	-5
市川 新之助, .	エスロバピオス学園海星中学校	2	D1		D2	D2	D2	0	0.00	7	17	-10
山本 展暉, .	慶應中等部	3	D4	V5		D1	D4	1	0.25	14	17	-3
森井 亮介, .	タウナクワンフェンシングアカデミー	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	5	15
田中 駿也, .	箕輪中学校	5	V5	V5	V5	D1		3	0.75	16	13	3

12	
----	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
齊藤 幸海, .	沼田フェンシングクラブ	1		D0	D3	V5	D3	1	0.25	11	16	-5
坂本 皓陽, .	札幌大谷中学校	2	V5		V5	V5	D1	3	0.75	16	12	4
宮本 怜, .	豊大常盤松ジュニアフェンシングクラブ	3	V5	D4		D2	D0	1	0.25	11	18	-7
玉本 侑輝, .	光ヶ丘フェンシングクラブ	4	D1	D3	V5		D3	1	0.25	12	17	-5
松本 龍, .	プラチナフェンシングチーム	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	7	13

# 13

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
青木 武蔵, .	沼田フェンシングクラブ	1		V5	D1	V5	V5	3	0.75	16	15	1
池田 倭太郎, .	龍谷大学付属平安中学校	2	D3		V5	D3	D2	1	0.25	13	14	-1
坪 颯馬, .	青森ジュニアクラブ	3	V5	D2		V5	V5	3	0.75	17	7	10
伊藤 綾一, .	箕輪中学校	4	D3	V4	D0		D0	1	0.25	7	18	-11
稲倉 宗暉, .	宮崎ジュニアフェンシングクラブ	5	D4	V3	D1	V5		2	0.50	13	12	1

# 14

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
荒木 虎義, .	龍谷大学付属平安中学校	1		D3	D1	D3	D2	0	0.00	9	20	-11
菅波 純, .	ワセダクラブ	2	V5		D3	D3	D4	1	0.25	15	17	-2
上出 日向, .	板橋フェンシングクラブ	3	V5	V4		D3	V5	3	0.75	17	12	5
原口 哲, .	立教新座中学校	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	11	9
光井 隆人, .	沼田フェンシングクラブ	5	V5	V5	D3	D2		2	0.50	15	16	-1

# 15

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
伊藤 勇吾, .	タウンタウンフェンシングアカデミー	1		D0	D1	D1	D1	0	0.00	3	20	-17
関原 麗允, .	沼田フェンシングクラブ	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	7	13
西尾 有紀哉, .	立教新座中学校	3	V5	D0		D1	D1	1	0.25	7	16	-9
大竹 凜, .	姫路ハクチョウFC	4	V5	D4	V5		D3	2	0.50	17	12	5
大高 凌雅, .	早稲田中学校	5	V5	D3	V5	V5		3	0.75	18	10	8

# 16

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
阿部 航大, .	法政大学第二中学校	1		V5	D2	V5	D4	2	0.50	16	14	2
長田 麗市, .	立教新座中学校	2	D0		V5	V3	V5	3	0.75	13	14	-1
松沼 怜, .	おおたスポーツアカデミー	3	V5	D4		V5	V5	3	0.75	19	11	8
工藤 悠太, .	青森ジュニアクラブ	4	D4	D2	D0		D4	0	0.00	10	18	-8
小杉 海翔, .	富山パレスフェンシングクラブ	5	V5	D3	D4	V5		2	0.50	17	18	-1

17	
----	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
井川 航佑, .	開成中学校	1		D0	D3	D1	V5	1	0.25	9	19	-10
木場 悠斗, .	鳥羽フェンシングクラブ	2	V5		V5	D3	D1	2	0.50	14	14	0
古橋 涼樹, .	愛知工業大学附属中学校	3	V5	D4		D4	D4	1	0.25	17	18	-1
山口 滝悟, .	龍谷大学付属平安中学校	4	V5	V5	V5		D2	3	0.75	17	13	4
石井 和真, .	立教新座中学校	5	D4	V5	V5	V5		3	0.75	19	12	7

18	
----	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
花木 ロブ, .	IWATA FENCING CLUB	1		D1	D2	D4	D2	0	0.00	9	20	-11
岩本 青龍, .	中京大学JR.	2	V5		D3	V5	D4	2	0.50	17	12	5
永原 正大, .	速星中学校	3	V5	V5		V5	D4	3	0.75	19	12	7
古川 真明, .	諫早クラブ	4	V5	D1	D2		D3	1	0.25	11	19	-8
西村 拓, .	龍谷大学付属平安中学校	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	13	7

19	
----	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山田 樹生, .	大分県立大分豊府中学校	1		V4	V5	V5	D3	3	0.75	17	10	7
大前 篤史, .	高松北中学校	2	D2		D3	V5	D1	1	0.25	11	15	-4
児玉 祐輝, .	龍谷大学付属平安中学校	3	D3	V4		D1	D2	1	0.25	10	18	-8
酒井 哉瑠, .	フェンシングステージ	4	D0	D2	V5		D3	1	0.25	10	16	-6
橋本 祥英, .	立教新座中学校	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	9	11